

Đơn vị: Trường Tiểu học Đức Lý

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường tiểu học Đức Lý công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2026 (03 tháng) như sau:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện quý I (3 tháng/năm)		Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
		Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	
A	Tổng số thu			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.008.918.400	2.008.918.400	
6000	Tiền lương	878.244.900	878.244.900	
6001	Lương theo ngạch, bậc	878.244.900	878.244.900	
6100	Phụ cấp lương	521.911.600	521.911.600	
6101	Phụ cấp chức vụ	13.689.000	13.689.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	303.965.500	303.965.500	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.106.000	2.106.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	202.151.100	202.151.100	
6250	Phúc lợi tập thể	25.000.000	25.000.000	
6299	Chi khác	25.000.000	25.000.000	
6300	Các khoản đóng góp	236.879.800	236.879.800	
6301	Bảo hiểm xã hội	187.300.000	187.300.000	
6302	Bảo hiểm y tế	33.053.100	33.053.100	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.017.800	11.017.800	
6349	Các khoản đóng góp khác	5.508.900	5.508.900	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	5.803.200	5.803.200	
6449	Chi khác	5.803.200	5.803.200	
6550	Vật tư văn phòng	252.036.000	252.036.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	249.516.000	249.516.000	
6553	Khoản văn phòng phẩm	2.520.000	2.520.000	

Số TT	Nội dung	Thực hiện quý I (3 tháng/năm)		Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	978.900	978.900	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	978.900	978.900	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	61.064.000	61.064.000	
7049	Chi khác	61.064.000	61.064.000	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	16.000.000	16.000.000	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	16.000.000	16.000.000	
7750	Chi khác	11.000.000	11.000.000	
7799	Chi các khoản khác	11.000.000	11.000.000	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	

Kế toán đơn vị



Hoàng Thị Thu Hoài

Nam Xang, ngày 09 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN THỊ HƯỜNG